

**BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH  
NGƯỜI SÁN CHỈ  
(QUA KHẢO SÁT TẠI XÃ BỘC BỒ, HUYỆN  
PẮC NẠM, TỈNH BẮC KẠN)**

**Ths. Tạ Thị Thảo  
ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

# 1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

## 1.1. Một số thuật ngữ

- Giới
- Bình đẳng giới
- Bất bình đẳng giới

## 1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Tác giả đưa ra 4 câu hỏi nghiên cứu

## 1.3. Công cụ thu thập số liệu

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp chọn mẫu



## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phân công lao động theo giới

+ Được sắp xếp dựa trên vai trò giới:


- Vai trò sản xuất
- Vai trò tái sản xuất
- Vai trò cộng đồng

+ Thuật ngữ “*việc đàn ông*” và “*việc đàn bà*”



***BẢNG 1. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH  
NGƯỜI SẢN CHỈ PHÂN THEO GIỚI TÍNH (%)***

<b>Hoạt động lao động</b>	<b>Nam giới</b>	<b>Phụ nữ</b>
Chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm	36.4	63.6
Chăm sóc cây trồng, mùa vụ	22.2	77.8
Cày bừa, trồng rừng	52.5	47.5
Buôn bán, trao đổi sản phẩm kinh tế	82.6	17.4
Sửa chữa nhà cửa, đồ dùng gia đình	76.2	23.8
Công việc nội trợ (nấu ăn, may vá, chăm sóc các thành viên trong gia đình,..)	26.3	73.7



## ***BẢNG 2. THỜI GIAN LÀM VIỆC TRONG NGÀY CỦA NAM GIỚI VÀ PHỤ NỮ (%)***

<b>Thời gian (Đơn vị tính giờ)</b>	<b>Nam giới</b>	<b>Phụ nữ</b>
<b><math>\leq 8</math> tiếng</b>	64.7	21.7
<b>8 - 10 tiếng</b>	29.4	69.6
<b><math>\geq 10</math> tiếng</b>	5.9	8.7



***BẢNG 3. MỨC ĐỘ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI SẢN CHỈ PHÂN THEO GIỚI TÍNH (%)***

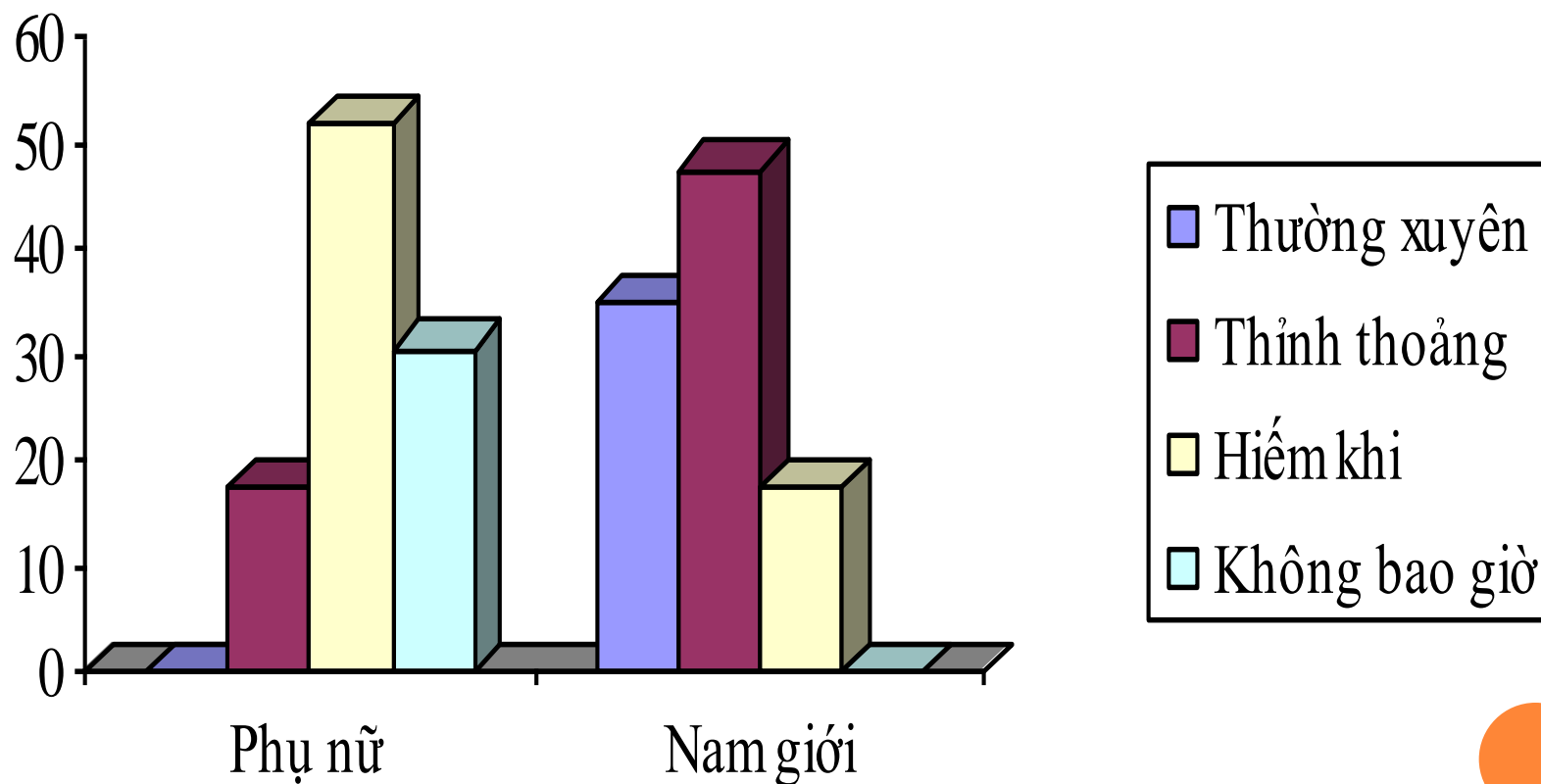
Hoạt động cộng đồng	Nam giới	Phụ nữ
Họp thôn, bản	78.9	21.1
Tham gia các khóa tập huấn/đào tạo	80.8	19.2
Tham gia công việc của dòng họ/gia đình	54.5	45.5
Tham gia công việc của thôn/cộng đồng	63.3	36.7
Đứng tên vay vốn ngân hàng	81.1	18.9
Lập quyền thừa kế	95.7	4.3

## 2.2. TIẾP CẬN VÀ KIỂM SOÁT NGUỒN LỰC VÀ LỢI ÍCH

*Bảng 4. Hiện trạng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực trong gia đình người Sản Chỉ phân theo giới tính (%)*

Nguồn lực	Nam giới	Phụ nữ
Đất đai sản xuất	67.9	32.1
Vốn/tín dụng	74.1	25.9
Khóa tập huấn/giáo dục	63.3	36.7
Thu nhập/sổ tiết kiệm	62.5	37.5
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ đất ở)	91.3	8.7
Giấy tờ xe máy	100.0	0
Không đứng tên bất kỳ tài sản nào	15.0	85.0

**BIỂU 1. MỨC ĐỘ TIẾP CẬN CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI SÁN CHỈ (ĐƠN VỊ TÍNH: %)**





## 2.3. QUYẾT ĐỊNH CÁC CÔNG VIỆC TRONG GIA ĐÌNH

- *Bảng 6. Quyết định các công việc liên quan đến lao động sản xuất (%)*

Hoạt động lao động sản xuất	Nam giới	Phụ nữ	Cả 2
Cơ cấu vật nuôi, cây trồng	75.04	21.7	3.26
Kỹ thuật canh tác	51.85	37.04	9.26
Định hướng sản xuất, kinh doanh	91.3	6.7	2.0
Mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu ...)	59.26	29.63	9.26
Buôn bán sản phẩm	82.6	15.4	2.0
Thuê phương tiện, lao động	50.95	32.08	11.32

***BẢNG 7. HIỆN TRẠNG RA QUYẾT ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI SẢN CHỈ (%)***

<b>Hoạt động lao động sản xuất</b>	<b>Nam giới</b>	<b>Phụ nữ</b>	<b>Cả 2</b>
Mua sắm tài sản đắt tiền	72.0	23.6	4.4
Xây, sửa nhà cửa	79.2	16.8	4.0
Đầu tư cho giáo dục	80.5	13.0	6.5
Hoạt động cộng đồng	80.8	19.2	-
Số con	84.0	16.0	-
Sinh con trai	75.0	25.0	-

### 3. TIẾNG VIỆT – VỊ THẾ CỦA PHỤ NỮ SÁN CHỈ

- *“Con gái học nhiều làm gì, mà có khi chả cần đi học, nhà khó khăn quá thì phải ở nhà giúp bố giúp mẹ, rồi lấy chồng, rồi đẻ con, thế thôi. Ở đây nhà nào chả thế”* (Phỏng vấn sâu, nam giới Sán Chỉ, 40 tuổi, nông dân).

*“Tôi rất ngại phát biểu vì tiếng Kinh tôi nói không sôi, với lại tôi có biết gì nhiều đâu mà nói. Nếu chồng tôi đi họp thì ông ấy nói, tôi chỉ đi nghe thôi”* (Phỏng vấn sâu, phụ nữ Sán Chỉ, 35 tuổi, nông dân)



## ***BẢNG 8. KHẢ NĂNG THÔNG THẠO TIẾNG VIỆT CỦA NGƯỜI DÂN TỘC SÁN CHỈ (%)***

<b>Khả năng nói tiếng Việt</b>	<b>Nam giới</b>	<b>Phụ nữ</b>
Thông thạo tiếng Việt	81.8	18.2
Không thông thạo tiếng Việt	16.7	83.3



## 4. KẾT LUẬN

(1) Sự phân công lao động trong gia đình do nam giới nắm giữ. Người đàn ông có tiếng nói nhất trong gia đình (chủ hộ) sẽ phân công công việc (sản xuất, tái sản xuất) cho các thành viên trong gia đình. Trong gia đình, tính chất công việc không chỉ được tính theo mức độ *nặng – nhẹ* (phụ thuộc vào sức khỏe) còn được xem xét trên yếu tố *không gian*. Việc đàn ông thường là những công việc quảng giao ngoài xã hội, còn việc đàn bà chủ yếu gói gọn trong khuôn viên gia đình.



(2) Nam giới là người chủ gia đình, trên 90% hộ khảo sát đều do nam giới làm chủ hộ. Dân tộc Sán Chỉ theo chế độ phụ hệ và về mặt *luật tục* mà nói đàn ông bao giờ cũng làm chủ gia đình, và khi đó đương nhiên mọi tài sản cũng như quyền lực trong gia đình đều thuộc về họ. Mặc dù luật pháp thừa nhận sự bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong vấn đề đứng tên sở hữu tài sản, tuy nhiên đó chỉ là trên giấy tờ, thực tế tại địa phương, mọi tài sản chủ yếu vẫn do người đàn ông đứng tên. Thậm chí cả những giấy tờ vay vốn, thế chấp cũng chủ yếu do đàn ông đứng tên vay.



(3) Tiếng nói của phụ nữ Sán Chỉ trong gia đình thể hiện ở quyền quyết định – mức độ tín nhiệm đối với các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, tại đa số các hộ gia đình, nam giới vẫn là người có tiếng nói quyết định. Bởi cộng đồng xã hội thừa nhận họ là chủ gia đình, là người đưa ra các quyết định liên quan tới sự tồn tại của gia đình, gồm cả những công việc sản xuất (định hướng kinh doanh, thay đổi cơ cấu cây trồng/vật nuôi, mua bán vật tư nông nghiệp,...) cũng như tái sản xuất (số con, sinh con trai).



(4) Có tới hơn 80% phụ nữ Sán Chỉ không thông thạo tiếng Việt. Có nhiều lý do dẫn tới hiện trạng này. Do điều kiện kinh tế thấp kém, đời sống khó khăn nên phụ nữ Sán Chỉ hầu hết là không đi học hoặc bỏ học giữa chừng, khiến cho khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của họ gặp trở ngại. Rào cản về ngôn ngữ tạo ra sự tự ti, ngại giao tiếp của nhóm phụ nữ này, vô hình chung nó càng ngày càng khiến vị trí cũng như vai trò của họ trở nên mờ nhạt trong gia đình và xã hội.





